

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ QUỐC PHÒNG

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUÂN SỰ



**PHẠM BẰNG LUÂN**

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI  
VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ ĐỐI VỚI XÂY DỰNG  
TIỀM LỰC QUỐC PHÒNG Ở CÁC TỈNH TRUNG DU,  
MIỀN NÚI PHÍA BẮC NƯỚC TA HIỆN NAY**

Chuyên ngành: **Kinh tế chính trị**

Mã số : **62 31 01 01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**HÀ NỘI - 2007**

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI  
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUÂN SỰ - BỘ QUỐC PHÒNG**

**Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS. TS. Phạm Văn Linh  
2. PGS. TS. Vũ Quang Lộc**

**Phản biện 1: GS,TSKH. Lê Du Phong  
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**

**Phản biện 2: GS,TS. Trần Đình Đăng  
Trường Đại học Nông nghiệp I**

**Phản biện 3: PGS,TS. Nguyễn Đình Kháng  
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh**

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước  
theo Quyết định số: 3063/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 6 năm 2007

vào hồi..... giờ.....ngày.....tháng.....năm 2007

**Có thể tìm hiểu luận án tại:**

1. Thư viện Quốc gia
2. Thư viện Quân đội
3. Thư viện Học viện Chính trị quân sự

## **DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI**

**1. Phạm Bằng Luân** (2002), "Đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc", *Tạp chí Nghệ thuật quân sự Việt Nam*, Học viện Quốc phòng, (2), tr. 13- 16.

**2. Phạm Bằng Luân** (2004), "Kinh tế trang trại trong sự nghiệp xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng ở nông thôn nước ta", *Tạp chí Nghệ thuật quân sự Việt Nam*, Học viện Quốc phòng, (5), tr. 3- 6.

**3. Phạm Bằng Luân** (2005), "Kinh tế trang trại trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế", *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, (61), tr. 6 - 8.

**4. Phạm Bằng Luân** (2005), "Phát triển kinh tế trang trại vùng trung du, miền núi phía Bắc", *Tạp chí Con số và sự kiện*, Tổng cục Thống kê, (số 6), tr. 16 - 18.

**5. Phạm Bằng Luân** (2005), "Các giải pháp phát triển kinh tế trang trại vùng trung du, miền núi phía Bắc gắn với củng cố quốc phòng - an ninh", *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, (65), tr. 8 - 10.

**6. Phạm Bằng Luân** (2005), "Kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh trong phát triển kinh tế trang trại vùng trung du, miền núi Bắc Bộ thời kỳ đổi mới", *Tạp chí Nghệ thuật quân sự Việt Nam*, Học viện Quốc phòng, (5), tr. 51- 54.

## MỞ ĐẦU

### *1- Tính cấp thiết của đề tài*

Phát triển kinh tế trang trại (KT TT) ở nước ta hiện nay còn có những ý kiến khác nhau. Bên cạnh số đông ý kiến thừa nhận sự cần thiết khách quan, vai trò quan trọng của hình thức kinh tế này, cũng còn không ít những ý kiến băn khoăn lo ngại những hạn chế, vướng mắc của nó như: yếu tố tự phát còn cao, tính hiệu quả và độ bền vững chưa được khẳng định. Đặc biệt, sự lo ngại KT TT là kinh tế tư nhân trong nông nghiệp, nếu để phát triển tự phát sẽ làm tăng khoảng cách phân hoá giàu nghèo, làm yếu quan hệ sản xuất (QH SX) theo định hướng xã hội chủ nghĩa (XH CN), ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển KT - XH và củng cố quốc phòng - an ninh (QP - AN).

Các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc nước ta là nơi có vị trí chiến lược trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, đồng thời còn là nơi có tiềm năng cho phát triển KT TT. Trong những năm qua, tốc độ phát triển KT TT vùng này cùng với xu thế chung của cả nước, năm 2000 có 3.075 trang trại đến năm 2005 đã có 5.916 trang trại (bình quân tăng 18,47%/năm). Tuy nhiên, lại là vùng có tỷ lệ KT TT nhỏ nhất so với cả nước (4,94%), tốc độ tăng chậm chỉ bằng khoảng 1/2 vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên... KT TT chưa đóng góp được nhiều cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và củng cố QP - AN cho các địa phương vùng này. Hiện nay, các địa phương nơi đây còn nhiều khó khăn, yếu kém: cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, thiếu vững chắc; số hộ nghèo chiếm tỷ lệ cao nhất nước, năm 2005 còn 37,5% (cả nước 22%) theo chuẩn mới; tình trạng di dân tự do, tranh chấp đất đai, tình hình tái trồng cây thuốc phiện; nạn xâm canh, xâm cư ... và một số vấn đề xã hội bức xúc khác vẫn đang diễn biến phức tạp. Tất cả những khó khăn, yếu kém nêu trên vừa làm hạn chế đến khả năng phát triển KT - XH vừa ảnh hưởng không nhỏ đến xây dựng tiềm lực quốc phòng (TLQP). Vấn đề đặt ra là phát triển KT TT ở các địa phương này như thế nào cho đúng với tiềm năng, lợi thế của từng vùng, góp phần thúc đẩy các địa phương nơi đây vươn lên cho ngang tầm với vị trí chiến lược của nó?

Với lý do đó, tác giả chọn đề tài: ***“Phát triển kinh tế trang trại và vai trò của nó đối với xây dựng tiềm lực quốc phòng ở các tỉnh trung du,***

*miền núi phía Bắc nước ta hiện nay*” làm luận đề nghiên cứu, nhằm góp phần làm sáng tỏ về lý luận và thực tiễn vấn đề đặt ra.

## **2- Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Trên cả bình diện lý luận và thực tiễn, có rất nhiều học giả đã quan tâm nghiên cứu đến vấn đề phát triển KTTT ở nước ta và các nước trên thế giới. Ở trong nước, về *góc độ lý luận* có thể nêu lên một số bài viết: "Một số luận điểm về kinh tế trang trại" của tác giả Trần Đức, Kinh tế trang trại vùng đồi núi, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 1998; "KTTT đột phá mới trong nông nghiệp" của Phạm Quang Lê, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 12 năm 1999; "Về KTTT và kinh tế hợp tác" của tác giả Quang Cận, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 9 năm 1999... Về *góc độ thực tiễn*, có một số bài viết: “Khảo sát kinh tế trang trại”, của PGS. TS. Nguyễn Sinh Cúc, Tạp chí nghiên cứu kinh tế, số 248, năm 1999; “Thực trạng phát triển kinh tế trang trại ở nước ta” của GS. TS. Nguyễn Thế Nhã, Tạp chí nghiên cứu kinh tế, số 257, năm 1999; “Về phát triển kinh tế trang trại ở nước ta” của PGS. TS Lê Du Phong, Báo Nhân dân, số 16377, năm 2000... Về *góc độ quốc phòng*, có một số bài viết và luận văn đã đề cập đến vấn đề này như: “Bàn thêm về phát triển KTTT” của PGS. TS Lại Ngọc Hải, Tạp chí Lý luận Chính trị quân sự, số 2, năm 1999; “Vai trò KTTT trong sự nghiệp xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng ở nông thôn nước ta”, luận văn cao học kinh tế của tác giả Phạm Bằng Luân, Học viện Chính trị quân sự, Hà Nội năm 2000... Nhìn chung các cuốn sách và bài viết nêu trên đã đưa ra được những quan niệm, đặc trưng cơ bản của KTTT, luận giải cơ sở khoa học về phát triển loại hình kinh tế này, nhưng chưa đạt được sự tường tận và hệ thống, đặc biệt nghiên cứu dưới góc độ kinh tế chính trị, kinh tế quân sự còn rất mờ nhạt.

Nghiên cứu tình hình phát triển KTTT ở nước ngoài, có một số bài viết: “Khái quát về KTTT gia đình trên thế giới” của tập thể tác giả Nguyễn Điền, Trần Đức, Trần Huy Năng, Trong cuốn Kinh tế trang trại gia đình trên thế giới và châu Á, Nxb Thống Kê, Hà Nội 1993; “Phát triển KTTT - con đường hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn Quảng Đông, Trung Quốc” của tác giả Nguyễn Cảnh Chất, Tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới, số 6, năm 2001... Mỗi bài viết có góc độ tiếp cận riêng, song đều tập trung phân tích, luận giải sự ra đời và phát triển của loại hình kinh tế này, tìm ra những điểm chung nhất mà nền nông nghiệp hàng hoá của các nước đã trải qua.

Tóm lại, các công trình nghiên cứu và bài viết cả trong và ngoài nước đều tập trung phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về sự ra đời, hình thành và phát triển của loại hình kinh tế này; khẳng định vai trò của nó đối với phát triển KT - XH. Cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống về sự *phát triển kinh tế trang trại và vai trò của nó đối với xây dựng tiềm lực quốc phòng* trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

### **3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, giới hạn phạm vi nghiên cứu**

#### **- Mục đích**

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của phát triển KTTT ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc nước ta và vai trò của nó đối với xây dựng TLQP do quá trình phát triển KTTT ở các tỉnh này mang lại. Trên cơ sở đó, đề xuất các quan điểm cơ bản và giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy phát triển KTTT và tăng cường vai trò của nó trong xây dựng TLQP cho các địa phương trong vùng ngày thêm vững mạnh.

#### **- Nhiệm vụ**

+ Luận giải những vấn đề lý luận về phát triển kinh tế trang trại và vai trò của nó đối với xây dựng tiềm lực quốc phòng ở nước ta nói chung, các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc nói riêng.

+ Phân tích thực trạng phát triển KTTT ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc và vai trò của nó đối với xây dựng TLQP ở các tỉnh trong khu vực này.

+ Đề xuất các quan điểm cơ bản và giải pháp chủ yếu để thúc đẩy phát triển KTTT hiệu quả, bền vững, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) và tăng cường vai trò của nó trong xây dựng TLQP ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc nước ta.

#### **- Đối tượng**

Luận án nghiên cứu sự phát triển KTTT ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc nước ta và vai trò của nó đối với xây dựng tiềm lực quốc phòng ở các tỉnh trong khu vực này.

#### **- Giới hạn phạm vi nghiên cứu**

Luận án tập trung nghiên cứu sự phát triển KTTT ở 15 tỉnh trung du, miền núi phía Bắc nước ta trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước và vai trò của nó đối với xây dựng TLQP ở các tỉnh trong khu vực này. Loại hình nghiên cứu trang trại gia đình. Thời gian khảo sát từ năm 2000 đến nay.

#### **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

##### ***- Cơ sở lý luận***

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng - an ninh.

##### ***- Phương pháp nghiên cứu***

Luận án thực hiện mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu dựa trên cơ sở sử dụng tổng hợp các phương pháp logic, lịch sử và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị, kinh tế quân sự Mác-Lênin; coi trọng phương pháp thống kê, phân tích và tổng hợp; kết hợp kế thừa, sử dụng những kết quả của các công trình nghiên cứu đã được công bố.

#### **5. Đóng góp mới về khoa học của luận án**

- Xây dựng khái niệm kinh tế trang trại và phát triển kinh tế trang trại dưới góc độ kinh tế chính trị. Luận giải những vấn đề lý luận về sự hình thành, phát triển KTTT ở nước ta trong điều kiện hiện đại và phát triển.

- Phân tích vai trò phát triển kinh tế trang trại đối với xây dựng tiềm lực quốc phòng ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc nước ta hiện nay.

- Đề xuất một số quan điểm cơ bản và giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy KTTT phát triển nhanh, hiệu quả, vững chắc, góp phần tích cực xây dựng tiềm lực quốc phòng ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc, đặc biệt trong điều kiện thực hiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc thời kỳ mới.

#### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài nghiên cứu**

- Đề tài được nghiên cứu thành công sẽ đóng góp những cơ sở khoa học cho quá trình kết hợp kinh tế với quốc phòng trong thời kỳ đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn và xây dựng tiềm lực quốc phòng cho nền quốc phòng toàn dân.

- Luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu hoặc biên soạn giảng dạy bộ môn kinh tế chính trị và kinh tế quân sự cho các học viện, nhà trường trong quân đội.

#### **7. Kết cấu của luận án**

Luận án gồm: mở đầu, 3 chương, 7 tiết, kết luận, công trình của tác giả đã công bố có liên quan đến đề tài và tài liệu tham khảo.

## Chương 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ ĐỐI VỚI XÂY DỰNG TIỀM LỰC QUỐC PHÒNG Ở NƯỚC TA

**1.1. Phát triển kinh tế trang trại trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn nước ta.**

***1.1.1. Những vấn đề chung về kinh tế trang trại***

***1.1.1.1. Quan niệm về trang trại và kinh tế trang trại***

KTTT ở nước ta là một vấn đề mới và phức tạp, nên còn có nhiều cách định nghĩa khác nhau. Luận án đã tổng quan các quan niệm trước đó, kế thừa có phê phán và cho rằng: Trang trại là một tổ chức sản xuất hàng hoá cơ sở trong nông, lâm, ngư nghiệp chủ yếu từ những hộ gia đình nông dân phát triển lên, ở đó các yếu tố sản xuất được tập trung tới một mức độ nhất định đủ điều kiện để tiến hành sản xuất hàng hoá cung cấp ra thị trường. Trang trại chỉ là những đơn vị sản xuất cá biệt, cụm từ này chưa phản ánh được bản chất KT - XH của hiện tượng kinh tế mới, vì vậy để nghiên cứu KTTT cần phải có khái niệm về KTTT.

Dưới góc độ quản lý kinh tế, quan niệm về KTTT trong Nghị quyết 03- 2000/NQ- CP ngày 02 - 02 - 2000 được coi là khái niệm chung nhất ở nước ta hiện nay. Tiếp cận ở góc độ kinh tế chính trị, luận án cho rằng:

*KTTT là một phạm trù kinh tế, chỉ một loại hình kinh tế hàng hoá trong nông, lâm, ngư nghiệp; phản ánh tổng hợp các mối quan hệ trong quá trình tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động chủ yếu của những hộ nông dân, từ sản xuất tự cấp tự túc, phân tán, nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn; đó là quá trình khai thác, sử dụng có hiệu quả các yếu tố sản xuất để tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá đáp ứng nhu cầu thị trường, nhằm cải thiện, nâng cao đời sống người nông dân.*

***1.1.1.2. Đặc trưng chủ yếu của kinh tế trang trại***

1. Đặc trưng cơ bản của KTTT là sản xuất hàng hoá
2. Các yếu tố sản xuất phải được tập trung đủ lớn, đủ điều kiện để sản xuất hàng hoá, các yếu tố này cao hơn hẳn (vượt trội) so với sản xuất của nông hộ, thể hiện ở quy mô: đất đai, vốn, lao động, đầu con gia súc, giá trị nông, lâm, thuỷ sản hàng hoá.



3. Chủ trang trại là các chủ hộ gia đình (bao gồm cả công nhân viên chức, người trong lực lượng vũ trang đã giải ngũ), có năng lực, kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp và tự chủ sản xuất - kinh doanh.

Đặc trưng định lượng được quy định cụ thể trong Thông tư 69/2000/TTLT/BNN- TCTK ngày 23 - 6 - 2000 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn - Tổng cục Thống kê.

***1.1.2. Phát triển KTTT - bước đi tất yếu mang tính quy luật của quá trình chuyển đổi nền nông nghiệp từ sản xuất tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hoá.***

***1.1.2.1. Khái niệm phát triển kinh tế trang trại***

Phát triển KTTT là quá trình vận động lâu dài của nền nông nghiệp từ sản xuất tự cấp tự túc chuyển sang sản xuất hàng hoá. Việc đưa ra một khái niệm về phát triển KTTT còn tùy thuộc vào góc độ tiếp cận... Tiếp cận ở góc độ kinh tế - chính trị, quan niệm phát triển KTTT như sau: ***Phát triển KTTT là quá trình đẩy mạnh việc tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động chủ yếu đối với những hộ nông dân từ sản xuất tự cấp tự túc, nhỏ lẻ, phân tán, hiệu quả thấp sang hình thức sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung quy mô lớn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; tăng cường giải phóng sức sản xuất ở khu vực nông nghiệp, nông thôn, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá cho thị trường, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội.***

Quan niệm này nói lên phát triển KTTT là quá trình tự giác bao gồm cả số lượng và chất lượng. Nội dung của nó bao hàm hai quá trình: tổ chức lại sản xuất, sắp xếp lại lao động chủ yếu đối với những hộ gia đình nông dân chuyển sang sản xuất hàng hoá, thực hiện chuyển dịch cơ cấu sản xuất trong nội bộ ngành nông nghiệp; đó là quá trình giải phóng sức sản xuất ở khu vực nông nghiệp, nông thôn, đổi mới, nâng cao, khai thác có hiệu quả các yếu tố sản xuất để tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá đáp ứng nhu cầu thị trường. Mục tiêu là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội.

***1.1.2.2. Tính tất yếu của phát triển kinh tế trang trại***

Nghiên cứu sự ra đời và phát triển KTTT ở các nước trên thế giới, luận án rút ra một số vấn đề chung mang tính quy luật như sau:

*Thứ nhất*, kinh tế trang trại phổ biến là trang trại gia đình ra đời và phát triển do đòi hỏi khách quan của sản xuất nông nghiệp hàng hoá trong cơ chế thị trường.

*Thứ hai*, phát triển kinh tế trang trại do đòi hỏi khách quan của quá trình công nghiệp hoá nền kinh tế.

*Thứ ba*, phát triển kinh tế trang trại là sản phẩm tất yếu của quá trình điều tiết kinh tế vĩ mô của Nhà nước.

*Thứ tư*, phát triển kinh tế trang trại đáp ứng yêu cầu khách quan của quá trình toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

### ***1.1.3. Những điều kiện và nhân tố tác động đến phát triển KTTT***

Thực tiễn và lý luận đã chỉ ra rằng phát triển KTTT là yêu cầu khách quan của nền nông nghiệp khi chuyển sang sản xuất hàng hoá. Song quá trình đó phải có đầy đủ những điều kiện kinh tế - xã hội và nhân tố tác động thì KTTT mới có thể ra đời và phát triển.

#### ***1.1.3.1. Những điều kiện cần và đủ để phát triển KTTT***

\* *Những điều kiện cần*: đất đai, vốn, lao động, khát vọng và kiến thức của chủ trang trại.

\* *Những điều kiện đủ*: *Một là*, Đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước; *hai là*, thị trường; *ba là*, hệ thống kết cấu hạ tầng.

#### ***1.1.3.2. Những nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển KTTT ở nước ta***

***Một là***, nhân tố kinh tế; ***hai là***, nhân tố pháp lý

***Ba là***, nhân tố chính trị; ***bốn là***, nhân tố khoa học và công nghệ

***Năm là***, nhân tố văn hoá, xã hội

***Sáu là***, nhân tố quốc tế và môi trường sinh thái

### ***1.1.4. Những xu hướng chủ yếu phát triển KTTT ở các nước trên thế giới, dự báo xu hướng phát triển KTTT ở nước ta***

#### ***1.1.4.1. Một số xu hướng chủ yếu phát triển KTTT ở các nước trên thế giới***

Nghiên cứu sự hình thành và phát triển KTTT ở các nước trên thế giới luận án nêu ra một số xu hướng chủ yếu sau:

***Một là***, số lượng, quy mô trang trại phát triển theo tiến trình của CNH

***Hai là***, KTTT phát triển theo mô hình kinh doanh tổng hợp

***Ba là***, kinh tế trang trại phát triển theo xu hướng hợp tác liên kết với các đơn vị kinh tế khác.

#### *1.1.4.2. Dự báo xu hướng phát triển kinh tế trang trại ở nước ta*

Từ những xu hướng chủ yếu của phát triển kinh tế trang trại ở các nước trên thế giới, luận án đưa ra dự báo xu hướng phát triển kinh tế trang trại ở nước ta như sau:

*Một là*, kinh tế trang trại sẽ là loại hình kinh tế được phát triển mạnh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; mô hình phát triển theo hướng chuyên canh và kinh doanh tổng hợp

*Hai là*, Trang trại gia đình là loại hình phổ biến cùng đan xen tồn tại với kinh tế hộ nông dân

*Ba là*, kinh tế trang trại phát triển theo xu hướng hợp tác liên kết trong sản xuất - kinh doanh.

*Bốn là*, KTTT nước ta phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

#### ***1.1.5. Một số kinh nghiệm thực tiễn phát triển kinh tế trang trại ở các nước châu Á có thể vận dụng vào nước ta***

Nghiên cứu phát triển KTTT ở các nước khu vực châu Á luận án nêu ra một số kinh nghiệm có thể vận dụng vào Việt Nam

*Một là*, thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường theo chiều sâu và đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước tạo điều kiện cho KTTT phát triển

*Hai là*, Nhà nước có chính sách vĩ mô hợp lý, phát huy quyền tự chủ của người nông dân để thúc đẩy KTTT phát triển

*Ba là*, đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn tạo điều kiện cho KTTT phát triển và củng cố quốc phòng - an ninh

#### **1.2 Tiềm lực quốc phòng và vai trò phát triển kinh tế trang trại đối với xây dựng tiềm lực quốc phòng ở nước ta.**

Để phân tích vai trò của KTTT đối với xây dựng TLQP, trước hết luận án làm rõ khái niệm TLQP và nội dung xây dựng TLQP

##### ***1.2.1. Tiềm lực quốc phòng và nội dung xây dựng tiềm lực quốc phòng.***

*1.2.1.1. Nhận thức chung về tiềm lực quốc phòng và xây dựng tiềm lực quốc phòng ở nước ta hiện nay*

*\* Nhận thức chung về tiềm lực quốc phòng*

TLQP là “khả năng về nhân lực, vật lực, tài chính có thể huy động để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng”. Đây là nhận thức mới về TLQP của Nhà nước ta được ghi trong điều 3 luật quốc phòng.

*\* Sự cần thiết phải xây dựng tiềm lực quốc phòng*

*Một là, xuất phát từ quy luật sinh tồn của dân tộc ta*

*Hai là, xuất phát từ bối cảnh thế giới và tình hình trong nước*

*Ba là, xuất phát từ đặc điểm địa lý của nước ta nói chung và các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc nói riêng*

*1.2.1.2. Nội dung cơ bản của xây dựng tiềm lực quốc phòng*

*Một là, xây dựng tiềm lực kinh tế*

Tiềm lực kinh tế là “khả năng về kinh tế (gồm cả kinh tế quân sự) có thể huy động nhằm phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng hoặc tiến hành chiến tranh; cơ sở vật chất của các tiềm lực khác”. Xây dựng tiềm lực kinh tế tập trung vào xây dựng các nguồn nhân lực, vật lực, tài lực; tính cơ động và sức sống của nền kinh tế. Các nguồn lực đó phải trở thành lực lượng vật chất có thể sẵn sàng huy động vào thực hiện nhiệm vụ quốc phòng cả thời bình và thời chiến.

*Hai là, xây dựng tiềm lực chính trị - tinh thần*

Tiềm lực chính trị tinh thần là “khả năng về chính trị - tinh thần có thể huy động nhằm tạo thành sức mạnh để thực hiện những nhiệm vụ nhất định”. Nội dung xây dựng bao gồm: hoàn thiện đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước; xây dựng và bảo vệ hệ thống chính trị, bảo vệ Đảng và chính quyền, bảo vệ nhân dân và thành quả cách mạng. Về phía nhân dân là xây dựng lòng tin của nhân dân đối với đường lối chính trị, đường lối kinh tế của Đảng, muốn vậy phải dựa trên quan hệ sản xuất tiến bộ.

*Ba là, xây dựng tiềm lực khoa học & công nghệ*

Tiềm lực khoa học & công nghệ là khả năng về khoa học & công nghệ có thể huy động để giải quyết những nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của xã hội. Nội dung xây dựng là phải phát triển trình độ khoa học và công nghệ; cơ sở vật chất phục vụ cho công tác nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng khoa học công nghệ; số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học.

*Bốn là, xây dựng tiềm lực quân sự*

Tiềm lực quân sự là “khả năng về vật chất và tinh thần có thể huy động để tạo thành sức mạnh thực hiện phục vụ nhiệm vụ quân sự và tiến hành chiến tranh. Được biểu hiện ở khả năng duy trì, hoàn thiện và không ngừng phát triển năng lực chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang (nhân

lực, vũ khí trang bị, cơ sở vật chất bảo đảm...); nguồn dự trữ về sức người, sức của phục vụ nhiệm vụ quân sự và tiến hành chiến tranh. Xây dựng tiềm lực quân sự là xây dựng tất cả những biểu hiện trên.

### ***1.2.2. Vai trò phát triển kinh tế trang trại đối với xây dựng tiềm lực quốc phòng ở nước ta***

Dựa trên cơ sở lý luận về mối quan hệ kinh tế với quốc phòng, luận án chỉ ra sự phát triển KTTT có vai trò quan trọng đối với xây dựng TLQP, vai trò đó thể hiện ở những mặt sau:

#### ***1.2.2.1. Phát triển KTTT góp phần tăng cường các nguồn lực của tiềm lực kinh tế trong khu vực nông nghiệp, nông thôn.***

Phát triển KTTT là quá trình tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động của những hộ nông dân, đó là quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng sản xuất hàng hoá và nâng cao trình độ cơ sở vật chất - kỹ thuật, phát huy tính hiệu quả các yếu tố của sản xuất. Hình thức kinh tế này sẽ góp phần tạo ra nguồn nhân lực (cả số lượng và chất lượng); nguồn vật lực gồm các yếu tố "đầu vào và đầu ra" trong quá trình SX - KD; nguồn tài lực; tạo ra sự bền vững, tính linh hoạt của nền kinh tế. Đó là những nguồn lực cơ bản của tiềm lực kinh tế.

#### ***1.2.2.2. Phát triển KTTT là bước tiến mới về quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, cơ sở quan trọng nâng cao tiềm lực chính trị- tinh thần cho nền quốc phòng toàn dân.***

Phát triển KTTT các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc là bước tiến mới về xây dựng QHSX trong nông nghiệp theo mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN trên cả ba mặt: sở hữu TLSX, tổ chức quản lý và phân phối sản phẩm làm ra. Điểm nổi bật là Nhà nước xác định quyền tự chủ SX - KD của hộ nông dân, nhờ đó đã giải phóng được sức sản xuất, kích thích hộ nông dân phát triển nông nghiệp hàng hoá; tạo ra nhiều việc làm tăng thu nhập cho nông dân, góp phần xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới. Đó là cơ sở tạo nên sự thống nhất về mặt chính trị tinh thần trong nông dân với chế độ xã hội mới, yếu tố quan trọng để ổn định chính trị - xã hội ở khu vực nông thôn, nông nghiệp.

*1.2.2.3. Phát triển KTTT góp phần thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp hàng hoá, tạo cơ sở tốt cho phát triển khoa học và công nghệ của đất nước.*

Dưới tác động của các quy luật sản xuất hàng hoá, KTTT trở thành hình thức kinh tế kích thích mạnh việc nghiên cứu ứng dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới vào SX - KD. Trực tiếp nhất là việc nghiên cứu lai tạo giống các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với đất đai, khí hậu, thổ nhưỡng của vùng này; góp phần chuyển đổi cơ cấu sản xuất, cơ cấu mùa vụ, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hàng hoá phát triển.

KTTT góp phần làm cho đội ngũ cán bộ khoa học phát triển cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt là các trung tâm và cán bộ khuyến nông được phát triển ở hầu khắp các tỉnh, huyện trong vùng. Thông qua đó thúc đẩy khoa học - công nghệ của đất nước phát triển, góp phần tăng cường tiềm lực khoa học cho nền quốc phòng toàn dân bảo vệ Tổ quốc.

*1.2.2.4. Phát triển kinh tế trang trại góp phần xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, yếu tố quan trọng cho duy trì, hoàn thiện năng lực chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang.*

Luận án cho rằng phát triển KTTT tất yếu đòi hỏi hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn cũng phải từng bước được xây dựng, nâng cấp và mở rộng. Đó là điều kiện tốt để nâng cao năng lực chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang.

## Chương 2

### **NHỮNG HÀNH TIJU, HẠCHẾ CỦA PHÁT TRIỂN KINH TIẾ TRANG TRẠI VÀ KẾT QUẢ CỦA QUÁ TRÌNH ĐÓI VỚI XÂY DỰNG TIỀM LỰC QUỐC PHÒNG Ở CÁC TỈNH TRUNG DU, MIỀNNÚI PHÍA BẮC NƯỚC TA HIỆN NAY**

**2.1. Phát triển kinh tế trang trại ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc, nhân tố ảnh hưởng, thành tựu, hạn chế và nguyên nhân.**

*2.1.1. Một số nhân tố tự nhiên, kinh tế, xã hội ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trang trại ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc nước ta*

*Một là, điều kiện tự nhiên ở các địa phương nơi đây có khó khăn nhưng nhiều tiềm năng cho phát triển kinh tế trang trại*

*Hai là, điều kiện kinh tế tại các địa phương còn nhiều khó khăn*

*Ba là, dân cư, lao động, việc làm và trình độ dân trí nhìn chung còn thấp*

*Bốn là, các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn có ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kinh tế trang trại*

### ***2.1.2. Những thành tựu chủ yếu phát triển kinh tế trang trại các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc từ năm 2000 đến nay***

Trên cơ sở số liệu điều tra khảo sát ở một số địa phương kết hợp với số liệu của Tổng cục Thống kê, luận án đã phân tích, chứng minh phát triển KTTT ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc đạt được kết quả sau:

*2.1.2.1. Phát triển KTTT với số lượng ngày càng tăng, đa dạng về mô hình, trang trại gia đình là loại hình chủ yếu.*

Đến tháng 7 năm 2005 các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc có 5.916 trang trại, tăng 2.841 trang trại so với năm 2000 (thời điểm Chính phủ có Nghị quyết về KTTT). Trong đó nhiều nhất là mô hình kinh doanh tổng hợp chiếm 32,48%, mô hình trồng cây lâu năm chiếm 20,10%; mô hình nuôi trồng thủy sản chiếm 18,79% mô hình lâm nghiệp chiếm 14,98%; mô hình chăn nuôi chiếm 10,93% và mô hình trồng cây hàng năm chiếm 2,72%. Điều đó cho thấy KTTT vùng này phát triển thiên về trồng trọt và kinh doanh tổng hợp. Trong số lượng trên, trang trại gia đình chiếm 91,40%.

*2.1.2.2. Các nguồn lực được huy động đầu tư để phát triển KTTT*

*Về đất đai,* đến năm 2005, các tỉnh trung du miền núi phía Bắc đã khai thác đưa vào sử dụng với tổng diện tích đất là 56.341 ha để phát triển KTTT. Trong đó đất nông nghiệp 28%; đất lâm nghiệp 45,60%; mặt nước 25,18%; đất khác 1,22%, bình quân 9,52 ha/ trang trại.

*Về lao động,* trong những năm qua, các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc đã có 31.292 lao động tham gia phát triển KTTT. Trong đó, lao động của chủ trang trại chiếm 49,71%, lao động thuê thường xuyên chiếm 13,29%, lao động thuê theo thời vụ chiếm 37%, bình quân một trang trại sử dụng 5,3 lao động.

*Vốn đầu tư cho KTTT,* toàn vùng đã huy động được 634.107 triệu đồng, trong đó vốn tự có chiếm 83,4%, vốn vay ngân hàng chiếm 11,9%,

các nguồn vốn khác chiếm 4,7%, bình quân một trang trại được đầu tư 107,185 triệu đồng.

*2.1.2.3. Phát triển kinh tế trang trại theo hướng sản xuất những loại cây trồng, vật nuôi cho giá trị kinh tế cao làm tăng thu nhập, tăng giá trị sản phẩm hàng hoá.*

KTTT đã góp phần tích cực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung; chuyển đổi những loại cây trồng, vật nuôi (cây công nghiệp, cây ăn quả, cây nguyên liệu, chăn nuôi đại gia súc...). Những loại cây trồng, vật nuôi này đã mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt. So sánh thu nhập 2005 với 2001 tăng 213,86%; giá trị sản lượng hàng hoá cùng thời điểm tăng 266,37%.

*2.1.2.4. Các đoàn kinh tế - quốc phòng góp phần phát triển KTTT*

Các đoàn kinh tế - quốc phòng đã đóng góp công sức xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; thu hút 500 hộ dân địa phương, gần 250 hộ dân từ các địa phương khác đến vùng dự án để phát triển KT - XH theo mô hình KTTT

***2.1.3. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong phát triển kinh tế trang trại ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc thời gian qua***

*2.1.3.1. Những hạn chế chủ yếu trong phát triển KTTT*

*Một là, phát triển KTTT ở các địa phương còn mang nặng tính tự phát*

*Hai là, phát triển KTTT tốc độ tăng chậm, quy mô nhỏ, khai thác các nguồn lực đất đai còn nhiều hạn chế*

*Ba là, kinh tế trang trại các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc hiệu quả kinh tế chưa cao*

*2.1.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế*

*Một là, nhận thức và quy hoạch phát triển KTTT của lãnh đạo và chính quyền các cấp ở địa phương còn chưa thống nhất*

*Hai là, quá trình triển khai thực hiện các chính sách, trọng tâm là chính sách đất đai và cho vay vốn để phát triển KTTT còn nhiều vướng mắc.*

*Ba là, địa hình, khí hậu thời tiết ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc khá phức tạp làm hạn chế tính hiệu quả của kinh tế trang trại.*

Cả ba nguyên nhân trên đều bắt nguồn từ nguyên nhân cơ bản bao trùm, chi phối là lực lượng sản xuất các tỉnh này còn kém phát triển.

**2.2. Những kết quả đạt được và chưa đạt được của phát triển kinh tế trang trại đối với xây dựng tiềm lực quốc phòng**



Tiết này luận án chứng minh phát triển KTTT các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc đã góp phần đáng kể vào xây dựng TLQP thông qua các yếu tố của LLSX và QHSX ở khu vực nông nghiệp, nông thôn.

### **2.2.1. Những kết quả chủ yếu đã đạt được**

*2.2.1.1. Phát triển KTTT đã góp phần đáng kể trong xây dựng các nguồn lực của tiềm lực kinh tế cho các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc*

Xây dựng tiềm lực kinh tế trong quá trình phát triển KTTT được xem xét dưới góc độ sự phát triển của LLSX trong nông nghiệp. Điều đó được thể hiện ra ở việc nâng cao số và chất lượng người lao động, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật và tạo ra nguồn lực tài chính đóng góp cho Nhà nước, những yếu tố cơ bản của tiềm lực kinh tế.

*Một là, phát triển KTTT góp phần nâng cao số lượng và chất lượng người lao động ở khu vực nông nghiệp, nông thôn, một bộ phận nguồn nhân lực đáng kể của nền quốc phòng toàn dân.*

Trong những năm qua, KTTT các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc đã thu hút 31.292 lao động (lao động của chủ trang trại chiếm 49,71%; lao động thuê mướn chiếm 50,29%). Số lượng lao động còn được tăng cường thông qua việc dịch chuyển lao động và di chuyển dân cư (cả tự giác và tự phát) để phát triển KTTT. Từ năm 1991 đến 2004 số người di cư có tổ chức lên vùng biên giới phía Bắc để phát triển KT- XH là 1.368.691 hộ, bằng 2.809.373 người. Số dân di cư tự do từ năm 1990 đến 2004 là 3.957 hộ với 26.468 khẩu (chiếm 8,16% số hộ và 9,63% số dân trong vùng). Về chất lượng, trong tổng số đó, có từ 30,52% đến 57,78% chủ trang trại được đào tạo; có từ 9,19% đến 15,02% lao động được đào tạo.

*Hai là, phát triển KTTT góp phần tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động quốc phòng, quân sự*

Nguồn cơ sở vật chất - kỹ thuật được xem xét ở các yếu tố "đầu vào, đầu ra" trong quá trình sản xuất - kinh doanh.

Về yếu tố "đầu vào" đó là các tư liệu sản xuất. Trong quá trình phát triển KTTT, số lượng máy móc phục vụ cho SX - KD đều cao hơn mức bình quân kinh tế hộ. So sánh mức bình quân chung 100 trang trại với 100 hộ nông dân cho thấy, các loại máy móc cao hơn từ 1,49 lần (máy phát điện) đến 12 lần (máy chế biến).

Về các sản phẩm "đầu ra" của KTTT, luận án chứng minh KTTT đã góp phần tích cực thúc đẩy nông nghiệp tăng trưởng. Sản xuất nông nghiệp (2001- 2005) tăng 4,9%, đưa lương thực bình quân đầu người tại các địa phương đạt từ 300 đến 350 kg, tỷ lệ hộ đói nghèo giảm 3 - 5% hàng năm, cơ bản xoá được nạn đói kinh niên ở vùng cao. Thực tế diễn tập hậu cần khu vực phòng thủ của các địa phương trên địa bàn quân khu Một năm 2004 cho thấy khả năng huy động các nguồn lực hậu cần từ KTTT về lương thực đạt khoảng 10%, thực phẩm đạt khoảng từ 12 - 15%, vật liệu xây dựng đạt khoảng từ 12 - 13%.

*Ba là, phát triển KTTT làm tăng giá trị và tỷ suất hàng hoá, tăng nguồn thu cho các trang trại, góp phần đáng kể vào ngân sách Nhà nước*

Nhờ phát triển KTTT nên giá trị sản lượng hàng hoá trong các trang trại cũng khá cao, năm 2005 đạt bình quân một trang trại là 66,80 triệu đồng (gấp khoảng 15 lần kinh tế hộ), tỷ suất hàng hoá đạt trên 80%, cho phép các chủ trang trại có phần đóng góp cho ngân sách nhà nước. Số thuế KTTT đã nộp bình quân đạt 0,7 triệu đồng/trang trại. Đó là điều kiện tốt cho tăng ngân sách quốc phòng và quỹ quốc phòng ở các địa phương.

*2.2.1.2. Kinh tế trang trại ra đời thúc đẩy quan hệ sản xuất nông nghiệp phát triển, cơ sở quan trọng nâng cao tiềm lực chính trị - tinh thần cho nhân dân các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc*

Luận án đã làm rõ KTTT ra đời là do Nhà nước đã xử lý đúng đắn quyền sử dụng về đất đai, xác định quyền tự chủ SX - KD cho hộ nông dân. Nhờ vậy, KTTT đã góp phần giải phóng các nguồn lực trong khu vực nông nghiệp, nông thôn để phát triển sản xuất. Đến năm 2005, KTTT đã khai thác, sử dụng 56.341 ha đất và mặt nước, huy động được 634.107 triệu đồng vốn và thu hút 31.292 lao động. Bình quân một trang trại sử dụng 9,52 ha đất; 107,185 triệu đồng vốn và 5,3 lao động. KTTT tạo ra việc làm, tăng thu nhập cho người nông dân, mức thu nhập bình quân của một trang trại trong vùng là 36,50 triệu đồng (gấp 20 lần kinh tế hộ). KTTT còn mở rộng hợp tác trong SX - KD và tham gia kinh tế đối ngoại. Thông qua các mối quan hệ này, KTTT góp phần tăng thêm thế và lực cho vùng trung du, miền núi phía Bắc.

KTTT ra đời tạo cho nông dân có tâm lý phấn khởi, yên tâm bỏ vốn đầu tư vào SX- KD. Đời sống vật chất - tinh thần của người lao động từng b-

ước nâng cao, xã hội ổn định, nhân dân phấn khởi đóng góp công sức của mình vào xây dựng nông thôn mới. Đây là nhân tố hết sức quan trọng góp phần xây dựng thế trận về chính trị - tinh thần “thế trận lòng dân” trong nhân dân đồng bào các dân tộc. Đó là nền tảng vững chắc cho sức mạnh quốc phòng toàn dân bảo vệ Tổ quốc.

*2.2.1.3. Phát triển kinh tế trang trại góp phần thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học- kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, tạo cơ sở tốt cho tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước và quốc phòng.*

Kết quả này được thể hiện KTTT là hình thức kinh tế thu hút các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu, phổ biến ứng dụng các loại giống mới vào sản xuất nông nghiệp hàng hoá, như lúa lai, ngô lai và các loại cây trồng vật nuôi khác. Đặc biệt công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch được ứng dụng rộng rãi, từ năm 1999 đến 2004 có 51 công nghệ chế biến, 6 công nghệ sấy, 25 công nghệ bảo quản được ứng dụng, góp phần cho các địa phương mở rộng diện tích cây trồng, tăng giá trị sản phẩm hàng hoá. Thông qua phát triển KTTT cũng góp phần làm cho đội ngũ cán bộ khoa học ở vùng này tăng lên (chủ yếu là cán bộ khuyến nông). Kết quả đó chứng minh KTTT góp phần xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước và quốc phòng.

*2.2.1.4. Phát triển KTTT góp phần thúc đẩy xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, tạo điều kiện cho các lực lượng vũ trang duy trì, hoàn thiện, nâng cao năng lực chiến đấu và khả năng sẵn sàng chiến đấu*

KTTT đã góp phần tích cực vào xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Biểu hiện rõ nhất là các chủ trang trại đã đóng góp công sức, tiền của vào phát triển hệ thống giao thông, thuỷ lợi và hệ thống cung cấp truyền tải điện... Ở Tuyên Quang nhân dân đã đóng góp tiền và ngày công trị giá hơn 6 tỷ đồng (trong đó KTTT chiếm 40%); ở Yên Bái, Bắc Giang KTTT đã đóng góp từ 30 - 50% giá trị các công trình giao thông nông thôn. Hiện nay, toàn vùng đã có trên 90% số xã có điện, trên 90% số xã có đường ô tô đến trung tâm; 90% các tuyến đường từ tỉnh đến trung tâm các huyện, thị xã được nhựa hoá. Kết quả trên đã góp phần khắc phục dần tình trạng chia cắt nông thôn miền núi, mở rộng và khơi thông thị trường vừa tạo điều kiện cho phát triển KT - XH, vừa tạo điều kiện tốt

cho các lực lượng vũ trang huấn luyện, diễn tập sẵn sàng chiến đấu và nâng cao năng lực chiến đấu của mình.

### **2.2.2. Một số mặt chưa đạt được trong kết quả của phát triển kinh tế trang trại đối với xây dựng tiềm lực quốc phòng**

*Một là, kinh tế trang trại chưa đóng góp được nhiều cho xây dựng các nguồn lực của tiềm lực kinh tế.*

Về xây dựng nguồn nhân lực, KTTT mới thu hút được khoảng 6,86% trong tổng số 4,56 triệu lao động nông nghiệp toàn vùng, trong đó có khoảng 12% được đào tạo. Xét cả về số lượng và chất lượng, nguồn nhân lực còn quá thấp so với yêu cầu xây dựng tiềm lực kinh tế.

Về xây dựng nguồn vật lực, việc đầu tư mua sắm máy móc trang thiết bị kỹ thuật phục vụ SX - KD của các trang trại còn rất thấp khoảng 10%. Sản phẩm "đầu ra" của KTTT còn hạn chế về số lượng, chất lượng và chủng loại, cung cấp cho thị trường và xã hội còn thấp.

Về nguồn tài lực, mức thuế của KTTT vùng này đóng góp cho ngân sách nhà nước bình quân bằng khoảng hơn 1/6 so với mức thuế của KTTT vùng Đồng bằng sông Hồng, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long.

*Hai là, phát triển KTTT làm nảy sinh vấn đề mới trong quan hệ sở hữu và sử dụng đất đai, có tác động tiêu cực đến xây dựng tiềm lực chính trị - tinh thần*

Quá trình phát triển KTTT làm cho việc thuê mượn, chuyển nhượng đất đai diễn ra tự phát, toàn vùng có 0,46% số hộ không có đất sử dụng. Một số địa phương xảy ra tình trạng nhân dân lấn chiếm đất nông trường, đất quốc phòng để phát triển KTTT, làm tăng thêm tính phức tạp trong quản lý và sử dụng đất đai, phần nào đã làm giảm lòng tin của nhân dân vào các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

*Ba là, KTTT các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc chưa đóng góp được nhiều cho xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước*

Việc đầu tư ứng dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ vào gieo trồng, chăm bón các loại cây trồng, vật nuôi còn thấp, các khâu thu hoạch, bảo quản, chế biến của các trang trại phần lớn bằng lao động thủ công.

*Bốn là, KTTT chưa đóng góp được nhiều cho xây dựng tiềm lực quân sự*

KTTT các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc mới đóng góp được khoảng 18% giá trị vào xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Tỷ lệ đó còn quá thấp so với yêu cầu xây dựng khu vực phòng thủ.

### **2.3. Những vấn đề đang đặt ra hiện nay trong phát triển kinh tế trang trại gắn với xây dựng tiềm lực quốc phòng.**

Những vấn đề đặt ra được luận án chỉ ra ở những mâu thuẫn sau:

*2.3.1. Mâu thuẫn giữa yêu cầu đẩy nhanh phát triển KTTT, tăng cường tiềm lực quốc phòng với thực trạng lực lượng sản xuất và kết cấu hạ tầng nông thôn ở các địa phương nơi đây còn nhiều thấp kém.*

*2.3.2. Mâu thuẫn giữa yêu cầu đẩy nhanh phát triển KTTT, tăng cường tiềm lực quốc phòng với thực trạng các vấn đề xã hội ở các địa phương nơi đây còn nhiều phức tạp.*

*2.3.3. Mâu thuẫn giữa lợi ích kinh tế với yêu cầu tăng cường tiềm lực quốc phòng trong quá trình phát triển kinh tế trang trại*

Trong ba mâu thuẫn trên thì mâu thuẫn một là mâu thuẫn chủ yếu mang tính bao trùm làm nảy sinh và chi phối các mâu thuẫn khác.

## **Chương 3**

### **NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI, TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG XÂY DỰNG TIỀM LỰC QUỐC PHÒNG Ở CÁC TỈNH TRUNG DU, MIỀN NÚI PHÍA BẮC NƯỚC TA**

#### **3.1. Những quan điểm cơ bản chỉ đạo quá trình phát triển kinh tế trang trại gắn với xây dựng tiềm lực quốc phòng**

*3.1.1. Phát triển kinh tế trang trại nhằm đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; tăng cường cơ sở vật chất cho nền quốc phòng ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc*

Cơ sở của quan điểm này là từ thực trạng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc còn chậm và thiếu vững chắc. Nội dung đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn bao hàm hai quá

trình lớn là: đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH và đổi mới nâng cao trình độ kỹ thuật công nghệ của sản xuất theo hướng hiện đại. Để KTTT vùng này góp phần tích cực vào đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, cần thực hiện tốt các yêu cầu: phát triển KTTT phải góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong vùng theo hướng sản xuất hàng hoá quy mô lớn; KTTT phải góp phần nâng cao trình độ người lao động và trình độ kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp.

***3.1.2. Phát triển KTTT ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc gắn với từng bước xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất nông nghiệp theo mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN, tạo dựng thể trận chính trị - tinh thần ngày càng vững chắc cho các khu vực phòng thủ huyện, tỉnh***

QHSX là cơ sở hạ tầng của phương thức sản xuất mới, đồng thời cũng là cơ sở tạo ra yếu tố chính trị - tinh thần, nhân tố cơ bản trong xây dựng TLQP ở nước ta. Vì vậy, phát triển KTTT phải góp phần làm cho QHSX nông nghiệp ngày càng hoàn thiện theo mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN. Sự hoàn thiện đó phải được thể hiện trên cả ba mặt của QHSX. Phát triển KTTT cần phải góp phần làm cho cơ chế, chính sách nông nghiệp của Nhà nước ngày càng hoàn thiện hơn; KTTT phải phát huy cao độ quyền tự chủ SX- KD, tăng cường liên doanh, liên kết với các loại hình kinh tế khác; các chủ trương trại phải tích cực góp phần vào thực hiện các chính sách xã hội.

***3.1.3. Phát triển kinh tế trang trại gắn với thực hiện lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế, không ngừng tăng thêm thế và lực cho đất nước.***

Nội dung của hội nhập kinh tế quốc tế rất rộng lớn, song hai lĩnh vực cơ bản là hoạt động xuất - nhập khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài. Quán triệt quan điểm này quá trình phát triển KTTT các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc cần phải tích cực tham gia vào thị trường xuất khẩu hàng hoá; KTTT phải là hình thức kinh tế thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài; phát triển KTTT phải góp phần tích cực củng cố mối quan hệ hợp tác, đoàn kết hữu nghị với các nước láng giềng và khu vực, tạo môi trường hoà bình ổn định để xây dựng kinh tế và củng cố QP - AN.

### ***3.1.4. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng trong quá trình phát triển kinh tế trang trại***

Quan điểm này chỉ ra quá trình phát triển KTTT các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc cần phải đạt được những yêu cầu sau:

*Một là*, gắn kết chặt chẽ chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu lao động với xây dựng các nguồn lực của tiềm lực kinh tế cho nền quốc phòng

*Hai là*, gắn kết chặt chẽ trong xây dựng quan hệ sản xuất nông nghiệp với xây dựng thể trận chính trị - tinh thần trong quá trình phát triển kinh tế trang trại.

*Ba là*, quán triệt sâu sắc quan điểm kết hợp kinh tế với quốc phòng đi đôi với phê phán những nhận thức lệch lạc trong quá trình phát triển KTTT.

## **3.2. Những giải pháp chủ yếu nhằm đẩy nhanh phát triển kinh tế trang trại các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc và tăng cường vai trò của nó trong xây dựng tiềm lực quốc phòng**

### ***3.2.1. Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng tạo điều kiện cho kinh tế trang trại phát triển và nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu cho các lực lượng vũ trang***

Đây là giải pháp hàng đầu để phát triển KTTT và xây dựng TLQP các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc. Xây dựng kết cấu hạ tầng các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc cần tập trung vào những vấn đề sau:

*Một là*, đổi mới quan niệm về phương thức và các lực lượng tham gia.

*Hai là*, tăng cường đầu tư Nhà nước cho xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn nhất là ở cấp xã.

*Ba là*, nâng cao năng lực quản lý kết cấu hạ tầng nông thôn

### ***3.2.2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và trình độ cơ sở vật chất - kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trang trại và xây dựng tiềm lực quốc phòng***

#### ***3.2.2.1. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế trang trại và xây dựng tiềm lực quốc phòng***

Nguồn nhân lực bức xúc nhất là: đội ngũ cán bộ cơ sở và người lao động trong KTTT. Đối với cán bộ cấp cơ sở cần tập trung vào bồi dưỡng đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước và năng lực hoạt động thực tiễn. Đối với đội ngũ lao động trong KTTT, nội dung phải toàn diện, song trọng tâm là chính trị - tư tưởng và nghề nghiệp.

*3.2.2.2. Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trang trại và xây dựng tiềm lực quốc phòng ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc nước ta hiện nay*

Vấn đề bức xúc trong xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc hiện nay là xây dựng công nghiệp chế biến. Để phát triển công nghiệp chế biến cần làm tốt công tác quy hoạch và phát triển vùng nguyên liệu; coi trọng nghiên cứu và gieo trồng các loại giống mới cho năng suất cao, chất lượng tốt; xây dựng các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp làng nghề phục vụ sơ chế, tinh chế; huy động mọi thành phần tham gia; tránh đầu tư dàn trải, hiệu quả thấp.

***3.2.3. Phát huy tốt vai trò "bốn nhà" để thúc đẩy kinh tế trang trại vùng này phát triển nhanh hơn, nâng cao hiệu quả của nó trong xây dựng tiềm lực quốc phòng.***

*3.2.3.1. Đối với nhà nước*

***Thứ nhất***, làm tốt công tác quy hoạch cho phát triển KTTT.

***Thứ hai***, hoàn chỉnh những văn bản mang tính pháp lý để tạo điều kiện cho kinh tế trang trại các vùng này tiếp tục phát triển.

***Thứ ba***, hoàn thiện hệ thống chính sách mang tính đặc thù miền núi và vận dụng linh hoạt các chính sách của Nhà nước vào từng địa phương.

*3.2.3.2. Đối với nhà đầu tư (ngân hàng và nhà doanh nghiệp)*

- Đối với hệ thống ngân hàng, có cơ chế cho các chủ trang trại vay vốn được thuận lợi hơn. KTTT phải được coi là một đối tượng quan trọng của các nguồn quỹ xoá đói, giảm nghèo, dự án tạo việc làm... Có chính sách ưu đãi về tín dụng đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đối với các doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước: áp dụng các hình thức giao khoán thích hợp đến hộ thành viên và hộ dân cư địa phương; làm tốt chức năng là trung tâm công nghiệp - dịch vụ, trung tâm khoa học kỹ thuật cho KTTT phát triển. Các doanh nghiệp nên đầu tư vào các lĩnh vực, địa bàn mà các thành phần kinh tế khác không đủ sức đầu tư.

*3.2.3.3. Đối với nhà khoa học*

Hướng vào công tác trợ giúp khoa học, phát triển cơ sở dịch vụ và các trạm trại cung ứng vật tư kỹ thuật; áp dụng phương tiện thông tin đại chúng thông qua các trường phổ thông, trường nội trú và các phiên chợ vùng cao để chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật đến người nông dân.



Đối với nhà khoa học quân sự cần phải liên kết với các viện khoa học và nhà khoa học khác nghiên cứu về môi trường sinh thái, chất đất nguồn nước, các loại hoá chất phòng trừ sâu bệnh để trợ giúp nông dân; nghiên cứu công tác bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm phục vụ cho tác chiến.

*3.2.3.4. Đối với người nông dân (chủ trang trại)* phải biết nắm bắt thời cơ, dám nghĩ, dám làm vươn lên làm giàu bằng chính sức lực của mình; có ý chí quyết tâm và lựa chọn được phương án sản xuất - kinh doanh thích hợp; đồng thời phải thường xuyên nâng cao trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn, pháp luật, tích lũy những kinh nghiệm sản xuất và quản lý trang trại, coi trọng chữ "tín" trong sản xuất - kinh doanh.

***3.2.4. Hoàn thiện cơ chế động viên kinh tế, bảo đảm hậu cần cho các lực lượng vũ trang và phát huy vai trò các đoàn kinh tế - quốc phòng trong quá trình phát triển kinh tế trang trại .***

*3.2.4.1 Hoàn thiện cơ chế động viên kinh tế và bảo đảm hậu cần cho các lực lượng vũ trang trong quá trình phát triển kinh tế trang trại*

Tiếp tục hoàn thiện bảo đảm hậu cần cho các hoạt động quốc phòng, quân sự theo cơ chế kinh tế thị trường; đồng thời thực hiện nghiêm các chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước về động viên kinh tế.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thu - chi ngân sách ở các địa phương; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, kịp thời xử lý một cách nghiêm khắc và triệt để những sai phạm.

*3.2.4.2 Phát huy vai trò các đoàn kinh tế - quốc phòng tạo điều kiện cho kinh tế trang trại các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc phát triển*

***Một là***, tích cực xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn

***Hai là***, phối hợp cùng chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác định canh, định cư đối với các đồng bào dân tộc thiểu số

***Ba là***, các đoàn kinh tế - quốc phòng cùng chính quyền địa phương thực hiện tốt chính sách tôn giáo của Đảng và nhà nước

***Bốn là***, Nhà nước cần tạo ra một khung pháp lý đồng bộ giữa các cơ quan nhà nước và Bộ Quốc phòng để các đoàn kinh tế - quốc phòng phát huy tốt vai trò chức năng phát triển KT- XH ở những địa bàn trọng yếu.

## KẾT LUẬN

1. Phát triển KTTT ở nước ta nói chung và các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc nói riêng là bước đi tất yếu mang tính quy luật của quá trình chuyển đổi nền nông nghiệp từ tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hoá. Sự hình thành và phát triển của loại hình kinh tế này xuất phát từ yêu cầu khách quan của sản xuất nông nghiệp hàng hoá trong cơ chế thị trường; của quá trình công nghiệp hoá nền kinh tế và sự tác động bởi các chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước. Đây là những điểm chung nhất mang tính phổ biến ở mọi quốc gia. Bên cạnh đó phát triển KTTT ở nước ta còn xuất phát từ đòi hỏi khách quan của quá trình toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, đây là điểm mới của phát triển KTTT trong điều kiện hiện đại và phát triển. KTTT ra đời và phát triển có vai trò quan trọng đối với xây dựng TLQP, đó là trực tiếp xây dựng tiềm lực kinh tế, gián tiếp xây dựng tiềm lực chính trị - tinh thần; tiềm lực khoa học & công nghệ; tiềm lực quân sự. Đây là những vấn đề lý luận cơ bản cho việc phát triển KTTT gắn với xây dựng TLQP ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc nước ta hiện nay.

2. Trong những năm qua, tốc độ phát triển KTTT ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc tăng khá nhanh, đa dạng về mô hình, song nhìn tổng quát vẫn là những địa bàn có KTTT phát triển chậm và chiếm tỷ lệ nhỏ nhất nước. KTTT ra đời và phát triển đã có những đóng góp tích cực cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa ngành nông nghiệp ở các địa phương này từ sản xuất nhỏ lẻ, phân tán, manh mún, lạc hậu chuyển dần sang sản xuất hàng hoá quy mô lớn; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nông dân tại các địa phương; góp phần ổn định chính trị - xã hội. Phát triển KTTT bước đầu đã tạo ra cơ sở vật chất và một số nguồn lực cho xây dựng TLQP, đó chính là nguồn sức mạnh quốc phòng toàn dân bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, quá trình phát triển KTTT nơi đây cũng đang bộc lộ những hạn chế, yếu kém, ảnh hưởng không nhỏ tới việc phát triển KT - XH và xây dựng tiềm lực quốc phòng. Sự yếu kém và hạn chế như đã phân tích ở trên có nhiều

nguyên nhân. Song nguyên nhân chủ quan là các cấp lãnh đạo và chính quyền chưa thống nhất nhận thức và chưa đầu tư thoả đáng cho phát triển loại hình kinh tế này, nguyên nhân khách quan là LLSX nơi đây còn nhiều thấp kém. Bên cạnh đó phát triển KTTT gắn với xây dựng TLQP cũng đang nảy sinh những mâu thuẫn mới cần được quan tâm giải quyết, trong đó sự yếu kém về kết cấu hạ tầng kinh tế và LLSX với yêu cầu đẩy nhanh phát triển KTTT và tăng cường TLQP được xem là mâu thuẫn chủ yếu mang tính bao trùm chi phối các mâu thuẫn khác.

3. Để phát huy tính hiệu quả và vai trò của KTTT ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc cần phải quán triệt tốt hệ thống quan điểm đã nêu trong luận án, trong đó phát triển KTTT phải nhằm mục tiêu đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, tăng cường cơ sở vật chất cho nền quốc phòng ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc được coi là quan điểm chủ đạo; đồng thời cần phải thực hiện đồng bộ hệ thống các giải pháp mà luận án đã nêu ra nhằm vừa thúc đẩy phát triển KTTT vừa tăng cường vai trò của nó trong xây dựng TLQP. Các nhóm giải pháp được trình bày trong luận án mang tính đặc thù của vùng. Trong đó, xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được coi là nhóm giải pháp quan trọng hàng đầu, nhằm khắc phục trở lực lớn nhất của phát triển KTTT ở các địa phương này trong những năm qua.

4. Những kết quả đạt được trong nghiên cứu phát triển KTTT và vai trò của nó đối với xây dựng TLQP ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc nước ta hiện nay phần nào đã làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra, tạo cơ sở để tiếp tục hoàn chỉnh các chủ trương, chính sách nhằm đẩy nhanh phát triển KTTT, tăng cường vai trò của nó trong xây dựng tiềm lực quốc phòng. Tuy nhiên, đây là vấn đề rất khó khăn và phức tạp, tác giả cho rằng cần phải có sự đầu tư và phối hợp nghiên cứu của các nhà khoa học, các cơ quan trong và ngoài quân đội mới hy vọng giải quyết thoả đáng những vấn đề mà thực tiễn đặt ra. Những kết quả nghiên cứu mà tác giả luận án đưa ra mới chỉ là những khám phá bước đầu, rất mong được sự đóng góp ý kiến quý báu của các nhà khoa học.